

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2019

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Danh Sử

2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Trần Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hòa.

Ngày 10/6/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2019/TLST- HNGĐ ngày 14/02/2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐ-HNGĐ ngày 24/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987

- Bị đơn: anh Trần Bá N, sinh năm 1984

Cùng trú tại: Thôn Tr, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Bá N kết hôn với nhau và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã X vào ngày 22/9/2005 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống tại thôn Tr, xã X. Hai vợ chồng chỉ sống

hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không thể hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh N thường xuyên uống rượu say xỉn về chửi bới chị. Hiện nay anh chị đã ly thân. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh N trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với N để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định chị và anh N có 02 con chung là các cháu Trần Bá Ch sinh 27/9/2006; Trần Bá Dương sinh 23/7/2015. Hiện cháu Ch ở với anh N, cháu D ở với chị L. Nguyên vọng của chị sau ly hôn là được nuôi cháu D còn cháu Ch để anh N nuôi. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của anh Trần Bá N: Được thể hiện tại bản tự khai và biên bản phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 12/4/2019 như sau: anh xác định thời điểm kết hôn và chung sống như chị L trình bày là đúng. Theo anh vợ chồng anh không có mâu thuẫn việc chị L nói anh uống rượu là đúng nhưng anh không đánh đập chị L. Anh khẳng định chưa bao giờ đánh vợ con. Khoảng thời gian cách đây 3 tháng chị L hay dùng điện thoại vào ban đêm anh có nhắc nhở thì chị L cãi lại. Do vậy hôm 06 tháng chạp âm lịch năm 2018 chị L tự ý bế cháu D đi và thông báo cho hai gia đình là chị ấy đi khỏi nhà. Thời gian chị L bỏ về ngoại thì anh có điện thoại và lên trực tiếp tìm chị L nhưng chị L cương quyết không về. Nay chị L xin ly hôn thì quan điểm của anh là không bỏ vợ con, vì anh là người theo đạo công giáo. Nếu chị L vẫn cương quyết thì Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Về con chung: anh xác định có 02 con chung là: Trần Bá Ch sinh 27/9/2006, hiện cháu đang ở với anh. Cháu Trần Bá D sinh 23/7/2015 hiện cháu ở với chị L. Trường hợp chị L cương xin ly hôn với anh thì anh xin nuôi cả hai cháu. Còn chị L không đồng ý thì anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/02/2019 Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã thụ lý vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Qua nhiều lần hòa giải nhưng hai bên vẫn không thống nhất được các vấn đề giải quyết vụ án. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh N, xin tiếp tục nuôi cháu Trần Bá D sinh 23/7/2015 hiện cháu đang

ở với chị, để anh N tiếp tục nuôi cháu Trần Bá Ch sinh 27/9/2006 hiện cháu đang ở với anh N. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: đề nghị HĐXX:

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều 27 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Xử lý hôn giữa chị **Nguyễn Thị L** và anh **Trần Bá N**.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Trần Bá Ch, sinh ngày 27/09/2006 hiện đang ở với anh N cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Bá D, sinh ngày 23/7/2015, hiện đang ở với chị L cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Tr, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, anh N uống rượu về hay chửi bới chị L. Do không chịu được đầu năm 2019 chị L đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh N là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Bá N có 02 con chung là cháu Trần Bá Ch, sinh ngày 27/09/2006; cháu Trần Bá D, sinh ngày 23/7/2015, hiện cháu Ch đang ở với anh N, cháu D đang ở với chị L. Xét nguyện vọng của chị L muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D Về phía cháu Trần Bá Ch thể hiện quan điểm muốn được sống bố để ổn định học tập và cuộc sống. Mặc dù anh N có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, nhưng để đảm bảo điều kiện tốt nhất về mọi mặt cho các cháu, để các cháu ổn định cuộc sống và học tập, giao cháu D cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ch cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, anh N chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không có yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Bá N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bá D sinh 23/7/2015 hiện cháu ở với chị L cho chị L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu Trần Bá Ch sinh 27/9/2006 hiện đang ở với anh N cho anh N tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000039 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị L và anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thanh Tùng